

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 210/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thuận Lợi và ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 331/2024/TLPT-HS ngày 04/11/2024 đối với vụ án Trịnh Văn L1 và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Văn L1, sinh ngày 01/01/1985, tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 17, khóm Xuân Hoà, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Chí C và bà Phan Thị L2, có vợ là Phan Thị Ngọc Á và có 02 con;

Nhân thân: Ngày 31/3/2015, bị Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 01 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, ngày 16/12/2015 chấp hành xong hình phạt tù và nộp xong án phí. Ngày 09/11/2022, bị Công an huyện T (nay là thị xã) phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong ngày 21/11/2022.

Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh An Giang (có mặt)

2. Lê Vũ L3, sinh ngày 08/10/1984, tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, khóm Xuân Biên, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L5 và bà Trần Thị T1, có vợ là Trần Thị Ngọc T2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (có mặt)

3. Lê Văn Pha E, sinh ngày 01/01/1992, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 03, khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L6 và bà Huỳnh Thị B có vợ là Trần Thị Thúy D; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (có mặt)

4. Lê Văn Pha N, sinh ngày 21/7/2000, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 03, khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L6 và bà Huỳnh Thị B, có vợ là Lê Thị Thúy H1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (có mặt)

5. Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 15/7/1984, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 03, khóm Xuân Biên, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Quyên và bà Trần Thị Thắm; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (có mặt)

6. Trần Hải Đ, sinh ngày 26/9/1993, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 04, khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T3 và bà Lê Thị C; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Pha E và Lê Văn Pha N: Luật sư Nguyễn Ngọc Châu – Văn phòng luật sư Nguyễn Trần, Đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa Chỉ: số 68, đường Doãn Uẩn (Cầu Cồn Tiên cũ), khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn L4, bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 05 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/01/2024, sau khi nhận được tin báo Lực lượng chống buôn lậu Công an tỉnh An Giang đến khu vực Cống ông Hai thuộc khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, phát hiện Lê Văn Pha E, Nguyễn Ngọc H2 mỗi người vận chuyển 03 bao nilon màu xanh, bên trong 03 bao nilon màu xanh có 1.490 bao thuốc lá điều nhập lậu, còn Nguyễn Văn L4 vận chuyển 01 bao nilon màu xanh (bên trong có 02 thùng nước yến) và 07 thùng giấy đi từ Campuchia đến Cống ông Hai, nên Lực lượng Công an tiến hành truy đuổi bắt giữ, thì Pha E, H2 và Văn L4 liền ném bỏ các bao thuốc lá và nước yến chạy tẩu thoát về hướng Campuchia. Sau đó, Lực lượng Công an truy đuổi bắt giữ được Văn L4, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn L4 và thu giữ tang vật.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 19 giờ ngày 07/01/2024, Trịnh Văn L1 điện thoại thuê Lê Vũ L3 vận chuyển thuốc lá điều và hàng hóa nhập lậu từ Campuchia về Việt Nam, được Vũ L3 đồng ý. Sau đó, Vũ L3 điện thoại cho Lê Văn Pha E, Lê Văn N, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4 và Nguyễn Ngọc H2 cùng vận chuyển, tiền công vận chuyển 90.000 đồng/01 thùng thuốc 500 bao và nước ngọt từ 25.000 – 30.000 đồng/01thùng, thì Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 đồng ý.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Vũ L3 điều khiển vỏ lãi của L1 chở Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 đến Cống ông Hai (thuộc khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T). Đến nơi, Vũ L3 ở lại vỏ lãi canh đường, còn Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 đi bộ về hướng biên giới Campuchia được một đoạn thấy có 01 chiếc vỏ lãi tại mương nước, nên Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 lấy vỏ lãi điều khiển về hướng Campuchia đến một căn chòi thấy có 16 thùng thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero, Jet, Ram và 10 thùng nước yến nhãn hiệu Bell Plus cùng với bọc nilon màu đen và bao nilon màu xanh, thì Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 cùng lấy thuốc lá trong 16 thùng ra để 25 cây thuốc lá (250 bao) vào 01 bọc nilon màu đen, rồi tiếp tục để 02 bọc nilon màu đen vào 01 bao nilon màu xanh (tức là 01 bao nilon màu xanh có 500 bao thuốc lá), còn 02 thùng nước yến để vào 01 bao nilon màu xanh, tổng cộng để được 16 bao nilon màu xanh thuốc lá, 05 bao nilon màu xanh nước yến. Sau đó, Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 dùng vỏ lãi và 02 chiếc xuồng tại mương nước (không rõ của ai) vận chuyển 16 bao thuốc lá và 05 bao nước yến về điểm tập kết tại khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, rồi Pha E điện thoại thông báo cho Vũ L3 và L1 biết.

Đến khoảng 01 giờ ngày 08/01/2024, L1 điện thoại cho Vũ L3 kêu Pha E vận chuyển 2.500 bao thuốc lá (gồm 2.000 bao thuốc lá hiệu Hero, 500 bao thuốc lá hiệu Jet) để giao cho người tên Lụa và Đài (không rõ họ và địa chỉ) ở khu vực Bến Bò thuộc khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, Vũ L3 liền điện thoại cho Pha E, thì Pha E kêu Pha N và Đ mỗi người vận chuyển 03 bao nilon màu xanh (tổng cộng 3.000 bao thuốc

lá) xuống Cổng ông Hai để giao cho Vũ L3, rồi Vũ L3 dùng vỏ lãi của L1 vận chuyển 2.500 bao thuốc lá giao cho Lụa và Đài, còn lại 500 bao thuốc lá để tại Cổng ông Hai.

Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, L1 tiếp tục gọi điện thoại cho Vũ L3 kêu Pha E vận chuyển xuống Cổng ông Hai 3.000 bao thuốc lá để giao cho người tên Trung (không rõ họ và địa chỉ), thì Vũ L3 gọi điện thoại cho Pha E, rồi Pha E kêu H2 cùng Pha E mỗi người vận chuyển 03 bao nilon màu xanh và lấy ra 01 cây thuốc lá (tức là mỗi người vận chuyển 1.490 bao thuốc lá, tổng cộng 02 người vận chuyển 2.980 bao thuốc lá). Đồng thời, Pha E kêu Văn L3 vận chuyển 01 bao nilon màu xanh nước yến và 07 thùng giấy đi đến đầu Cổng ông Hai, còn Pha N và Đ ở lại điểm tập kết giữ thuốc lá và nước yến còn lại. Khi Pha E, H2, Văn L3 đang vận chuyển xuống Cổng Ông Hai, thì bị Lực lượng chống buôn lậu Công an tỉnh An Giang phát hiện, nên Pha E, H2 và Vũ L3 bỏ lại thuốc lá cùng với nước yến chạy tẩu thoát, lúc này Pha N cũng ném bỏ 01 bao nilon màu xanh chứa 500 bao thuốc lá về phía Campuchia rồi cùng Đ chạy tẩu thoát. Sau đó, Văn L3 bị Lực lượng Công an bắt giữ cùng tang vật như nội dung vụ án.

* Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc vỏ lãi composite màu trắng xanh, nhãn hiệu CMC, có gắn máy xăng nhãn hiệu Hinota, loại HT780E, số máy A2107000082; trên bờ Kênh: 07 bao nilon bên trong có 14 bọc nilon màu đen, kiểm tra bên trong bọc nilon màu đen có 03 bọc nilon màu đen chứa 750 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet (mỗi bọc chứa 250 bao); 09 bọc nilon màu đen chứa 2.250 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero (mỗi bọc chứa 250 bao); 02 bọc nilon màu đen chứa 480 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero (mỗi bọc chứa 240 bao). Tổng cộng: **3.480** bao thuốc lá nhãn hiệu Jet và Hero. 01 bao nilon bên trong chứa 02 thùng giấy nhãn hiệu Bell Plus, bên trong có 72 chai nước yến loại 250 ml, nhãn hiệu nước ngoài ghi Bell Plus; 06 thùng giấy được xếp lại nhãn hiệu Hero, 01 thùng giấy được xếp lại nhãn hiệu Ram.

- Tại bờ ruộng cách vị trí vỏ lãi composite khoảng 200 mét về hướng biên giới Việt Nam – Campuchia, phát hiện: 08 thùng giấy nhãn hiệu nước ngoài (Bell Plus) bên trong có 288 chai chai nước yến, loại 250 ml, nhãn hiệu nước ngoài ghi Bell Plus. 03 bao nilon, bên trong có tổng cộng 06 bọc nilon màu đen, bên trong có 03 bọc nilon màu đen chứa 750 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet (mỗi bọc chứa 250 bao); 01 bọc nilon màu đen chứa 250 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero; 02 bọc nilon màu đen chứa 500 bao thuốc lá nhãn hiệu Kam (mỗi bọc chứa 250 bao); 01 bọc nilon màu trắng bên trong chứa 20 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero. Tổng cộng **1.520** bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, Hero và Ram.

* Bản Kết luận giám định số 664/KL-KTHS ngày 20/6/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 05 điện thoại di động (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5) Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong 03 đĩa DVD dữ liệu kèm theo giao cho Cơ quan điều tra; Không tiến hành giám định trích xuất dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động (ký hiệu A6) do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, tỉnh An

Giang gửi giám định do không khởi động được điện thoại. Kèm theo kết luận giám định: 03 đĩa DVD nhãn hiệu RISHENG: Đĩa 01 có tổng dung lượng 3,77GB; Đĩa 02 có tổng dung lượng 2,36GB; Đĩa 03 có tổng dung lượng 3,9GB.

* Bản kết luận định giá số 602/KL.HĐĐGTTTHS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: 360 chai nước yến, loại 250ml/chai, nhãn hiệu nước ngoài Bell Plus trị giá 12.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 28/9/2024, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang đã quyết định: tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn L1 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 11/01/2024).

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Vũ L3 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/01/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Pha E 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

4. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Pha N 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

5. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H2 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

6. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Hải Đ 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

Ngoài ra, còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L4 05 năm tù, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Văn L1, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4; xử lý vật chứng, tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các ngày 28/9/2024, ngày 01/10/2024, ngày 10/10/2024 các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Trần Hải Đ rút kháng cáo. Các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N và Nguyễn Ngọc H2 giữ nguyên

nội dung yêu cầu kháng cáo và điều khai nhận hành vi phạm tội như tại quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 342; Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Trần Hải Đ; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N và Nguyễn Ngọc H2; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2024/HSST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã T.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2 cùng mức án 05 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của các bị cáo đều tốt, các bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm nên xem là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn ăn năn nên mức án của bản án sơ thẩm phạt 02 bị cáo là nghiêm khắc do đó đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N thống nhất với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, đồng thời không có tranh luận thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Trần Hải Đ tự nguyện rút kháng cáo, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo L1, Vũ L3 và Đ. Phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm của bản án số 72/2024/HS-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã T đối với bị cáo L1, Vũ L3 và Đ có hiệu lực.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Lê Văn Pha Em, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai người chứng kiến về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 07/01/2024 bị cáo Trịnh Văn L1 đã có hành vi mua 8.000 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero, Jet, Ram và 10 thùng nước yến (360 chai) của một người tên Rích người Campuchia (không rõ địa chỉ cụ thể) để đem về Việt Nam bán cho người khác kiếm lời. Bị cáo Trịnh Văn L1 đã thuê các bị cáo Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ và Nguyễn Văn L4 đi qua biên giới Campuchia vận chuyển thuốc lá điều và nước yến về Việt Nam. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Lê Vũ L3 điều khiển vỏ lãi của L1 chở Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 đến Cống ông Hai (thuộc khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T). Vũ L3 ở lại vỏ lãi canh đường, còn Pha E, Pha N, Đ, Văn L4 và H2 đi bộ về hướng biên giới Campuchia vận chuyển 16 thùng thuốc lá điều nhập lậu đem về tập kết tại khóm Phú Tâm, phường A, thị xã T, rồi Pha E điện thoại thông báo cho Vũ L3 và L1 biết. Khoảng 01 giờ ngày 08/01/2024 Trịnh Văn L1 điện thoại cho Lê Vũ L3 để Vũ L3 kêu Lê Văn Pha E giao 2.500 bao thuốc lá cho người tên Lụa và Đài (không rõ họ tên địa chỉ); Lê Văn Pha E kêu Lê Văn Pha N và Trần Hải Đ vận chuyển 300.000 bao thuốc xuống Cống Ông Hai giao cho Vũ L3, Vũ L3 đã giao cho Lụa, Đài 2.500 bao thuốc lá, còn lại 500 bao thuốc để tại Cống Ông Hai. Đến khoảng 02 giờ ngày 08/01/2024 Trịnh Văn L1 tiếp tục gọi điện thoại cho Lê Vũ L3 kêu Lê Văn Pha E vận chuyển xuống Cống Ông Hai giao cho người tên Trung 3.000 bao thuốc lá, rồi Pha E cùng H2 vận chuyển thuốc giao theo yêu cầu của Vũ L3, trên đường vận chuyển thì bị lực lượng chống buôn lậu Công an tỉnh An Giang phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ 5.000 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Hero, Jet, Ram và 360 chai nước yến nhãn hiệu nước ngoài hiệu Bell Plus cùng nhiều vật chứng khác liên quan đến vụ án. Riêng bị cáo Lê Văn Pha E trong lúc bỏ chạy đã ném 01 cục thuốc lá 500 bao về phía ruộng Campuchia bị những người Campuchia lấy mất.

Tại mục II, phụ lục II của Nghị định 69/2018/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý ngoại thương quy định “thuốc lá điều” thuộc danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá quy định về các hành vi bị nghiêm cấm: “1. Sản xuất, mua bán, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển thuốc lá giả, sản phẩm được thiết kế có hình thức hoặc kiểu dáng như bao, gói hoặc điều thuốc lá; mua bán, tàng trữ, vận chuyển nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá nhập lậu.”

Về số lượng thuốc lá điều nhập lậu: các bị cáo đã buôn bán, vận chuyển trót lọt 8.000 bao thuốc lá điều nhập lậu từ Campuchia vào Việt Nam, nhưng cấp sơ thẩm chỉ quy kết các bị cáo buôn bán, vận chuyển 5.000 bao theo biên bản bắt người phạm

tội quả tang ngày 08/01/2024 là không chính xác. Tuy nhiên, khung hình phạt các bị cáo phạm vẫn không thay đổi, cấp phúc thẩm không làm bất lợi cho các bị cáo, nhưng cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Văn L1 đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là “*thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên*”, có khung hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm. Hành vi của các bị cáo Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4 đã phạm vào tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là “*thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên*”, có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn L1, Lê Vũ L3, Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại được Luật Hình sự bảo vệ; vi phạm Nghị định 69/2018/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội.

[5] Đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, hiện nay trên địa bàn tỉnh An Giang các tội phạm về buôn bán, vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu có chiều hướng gia tăng, gây mất ổn định tình hình kinh tế, an ninh, chính trị tại địa phương nên phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả các bị cáo gây ra. Số lượng thuốc lá điều nhập lậu các bị cáo buôn bán, vận chuyển là 8.000 bao, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy kết các bị cáo 5.000 bao và căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, để từ đó tuyên phạt bị cáo Trịnh Văn L1 mức án 08 năm tù; tuyên phạt bị cáo Lê Vũ L3 05 năm 06 tháng tù; các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2, Trần Hải Đ, Nguyễn Văn L4 mỗi bị cáo mức án 05 năm tù theo tội danh và khung hình phạt nêu ở phần trên là có căn cứ, không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn N là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí:

Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo rút đơn kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 342; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trịnh Văn L1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Vũ Linh và Trần Hải Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N và Nguyễn Ngọc H2; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn Pha N, Nguyễn Ngọc H2 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Pha E 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H2 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/7/2024.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Lê Văn Pha E, Lê Văn N, Nguyễn Ngọc H2 mỗi người phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Viện kiểm sát thị xã T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự; HCTP.

Hoàng Ngọc Linh